

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách năm 2022 thuộc lĩnh vực ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách xã hội và kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, với tổng số tiền là **200,739 tỷ đồng**.

(Chi tiết dự toán như Phụ lục kèm theo Công văn này)

Kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm xem xét, tổng hợp trình Chính phủ hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho địa phương số kinh phí nêu trên để nguồn thực hiện các chế độ chính sách theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, LĐ-TB&XH;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K20, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2021 VÀ DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2021 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chính sách, chế độ	Thực hiện năm 2020		Ước thực hiện năm 2021										Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022								
		Số đối tượng	Kinh phí thực hiện	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí			Số kinh phí còn thiếu			Số kinh phí còn dư (nếu có)	Số đối tượng	Nhu cầu kinh phí	Số kinh phí đã bố trí			Số kinh phí còn thiếu			Số kinh phí còn dư (nếu có)	
						Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Trong đó					Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Trong đó			
							Bố trí trong chi cân đối NSDP (nếu có)	NSTW bổ sung có mục tiêu		NSDP	NSTW hỗ trợ					NSDP	Bố trí trong chi cân đối NSDP (nếu có)		NSDP	NSTW hỗ trợ		NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Tổng cộng (I+II)		32.926												214.739				214.739	200.739	14.000	
I	Chương trình mục tiêu		14.037												183.239				183.239	169.239	14.000	
1	CTMT phát triển trợ giúp xã hội		3.716												147.004				147.004	133.004	14.000	
1.1	Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội		1.827												145.200				145.200	131.200	14.000	
-	Đầu tư xây dựng Cơ sở cai nghiện ma túy		1.327												75.000				75.000	75.000		
-	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn														70.000				70.000	56.000	14.000	
-	Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ giám sát đánh giá														200				200	200		
-	Dự án phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, mại dâm và nạn nhân bị mua bán		500																			
1.2	Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em và hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho Trung tâm CTXH&BTXH		1.137												1.218				1.218	1.218		
1.3	Dự án hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới		522												556				556	556		
1.4	Dự án phát triển trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế		200																			
1.5	Dự án 4: Phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng chống bạo lực gia đình, mua bán người		30												30				30	30		
2	CTMT Giáo dục nghề nghiệp-việc làm và An toàn lao động		10.321												36.235				36.235	36.235		
2.1	Dự án phát triển thị trường lao động và việc làm		740												1.650				1.650	1.650		
2.2	Dự án tăng cường An toàn lao động		581												585				585	585		
2.3	Dự án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (Mua thiết bị đào tạo cho Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng Bình Định, Trường Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật Quy Nhơn)		9.000												34.000				34.000	34.000		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia		18.889												31.500				31.500	31.500		

1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		893											1.500				1.500	1.500		
1.1	Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		454											1.000				1.000	1.000		
1.2	Truyền thông giảm nghèo		134											150				150	150		
1.3	Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp		120											120				120	120		
1.4	Giám sát đánh giá thực hiện chương trình		185											230				230	230		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		17.996											30.000				30.000	30.000		
2.1	Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các Trung tâm		5.400											12.000				12.000	12.000		
2.2	Phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho LĐNT		10.980											16.380				16.380	16.380		
2.3	Giám sát, đánh giá công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn		70											70				70	70		
2.4	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Tuyên truyền tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn...		1.546											1.550				1.550	1.550		